

TỔNG QUAN VỀ CHỨC NĂNG CỦA *HỄ*, *HỄ - THÌ*, *HỄ - LÀ* TRONG CÂU TIẾNG VIỆT

AN OVERVIEW OF THE FUNCTIONS OF *HỄ*, *HỄ - THÌ*, AND *HỄ - LÀ* IN VIETNAMESE SENTENCES

Đào Duy Tùng^{1*}, Ngô Bảo Tín², Sầm Công Danh³

¹Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

²Học viên Cao học ngành Ngôn ngữ học, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

³Học viên Cao học ngành Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: ddtung@ctu.edu.vn

(Nhận bài / Received: 15/6/2024; Sửa bài / Revised: 07/8/2024; Chấp nhận đăng / Accepted: 23/8/2024)

Tóm tắt – Bài viết tổng thuật những quan điểm tiêu biểu về chức năng của *hễ*, *hễ - thì*, *hễ - là* theo khuynh hướng ngữ pháp truyền thống (chủ - vị) và ngữ pháp chức năng (đề - thuyết). Theo ngữ pháp truyền thống, *hễ*, *thì*, *là* được sử dụng trong câu có nhiều mệnh đề hay câu phức, câu ghép. Trong đó, mệnh đề phụ hay cú phụ có *hễ* đứng đầu; mệnh đề chính hay cú chính có thể có hoặc không có *thì*, *là*. Theo ngữ pháp chức năng, *hễ* không được xem xét trong quan hệ sóng đôi với *thì*, *là*. *Hễ* được xem là yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần đề; *thì*, *là* là yếu tố chuyên dùng phân giới và đánh dấu đề - thuyết. Theo quan điểm của bài viết, *hễ* là yếu tố chuyên dùng đánh dấu phần đề; *thì*, *là* ngoài là yếu tố chuyên dùng phân giới và đánh dấu đề - thuyết, còn là yếu tố chuyên dùng đánh dấu phần thuyết.

Từ khóa – Câu; chủ - vị; đề - thuyết; chức năng; *hễ*; *thì*; *là*

1. Đặt vấn đề

Trong Việt ngữ học, *hễ*, *hễ - thì*, *hễ - là* chưa được nghiên cứu một cách riêng biệt. Về mặt từ loại, *hễ* thường được đề cập chung với *nếu*, *miễn (là)*, *giả (mà)*, *giả sử...*, với các tên gọi khác nhau. Về mặt chức năng, nhóm *hễ*, *nếu*, *miễn (là)*, *giả (mà)*, *giả sử...* cũng thường được đề cập trong quan hệ sóng đôi với *thì*, *là* trong câu, cũng với các tên gọi kiểu câu khác nhau. Trong tương quan *hễ - thì*, *hễ - là*, *thì* *hễ - thì* được chú ý nhiều hơn, chỉ một số ít nhà nghiên cứu đề cập đến *hễ - là*. Trong câu, *hễ* cũng có thể được dùng một mình mà không có *thì*, *là*.

Theo ngữ pháp chủ - vị, *hễ* chỉ được nhắc qua chung với *nếu*, *miễn (là)*, *giả (mà)*, *giả sử...*, có vị trí đứng đầu mệnh đề phụ hoặc về phụ hay cú phụ; *thì*, *là* đứng đầu mệnh đề chính hoặc về chính hay cú chính trong câu điều kiện/ giả thiết - hệ quả. Theo ngữ pháp đề - thuyết, *hễ* cũng chỉ được nhắc qua chung với nhóm *nếu*, *dù*, *ví như*, *giả*, *giả dụ*, *bao giờ*, ... với chức năng là yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần đề. Khác với các nhà ngữ pháp chủ - vị, các nhà ngữ pháp đề - thuyết không đặt *hễ* trong tương quan với *thì*, *là*. Các nhà ngữ pháp chức năng rất chú ý đến *thì*, *là* và *mà* với chức năng là yếu tố chuyên dùng phân giới và đánh dấu đề - thuyết, mà chưa chú ý đến *hễ* cũng như một số yếu tố khác.

Abstract - The article summarizes typical viewpoints on the functions of *hễ*, *hễ - thì*, and *hễ - là* according to traditional grammar and functional grammar. According to traditional grammar, *hễ*, *thì*, and *là* are used in sentences with multiple clauses, complex sentences, or compound sentences. In these sentences, the subordinate clause or subordinate sentence has *hễ* at the beginning; the main clause or main sentence may or may not have *thì* or *là*. According to functional grammar, *hễ* is not considered in a paired relationship with *thì* or *là*. *Hễ* is considered an auxiliary element that marks the theme; *thì* and *là* are specialized elements that divide and mark the theme-rheme structure. In the author's view, *hễ* is a specialized element that marks the theme; *thì* and *là*, in addition to being specialized elements that divide and mark the theme-rheme structure, are also specialized elements that mark the rheme.

Key words – Sentence; subject - predicate; theme - rheme; function; *hễ*; *thì*; *là*

Từ thực trạng nêu trên, bài viết tổng quan chức năng của *hễ* và *hễ* trong tương quan với *thì*, *là* (*hễ - thì*, *hễ - là*). Trong khuôn khổ giới hạn, bài viết không tổng thuật những quan niệm chỉ đề cập đến *hễ* (*hễ - thì*, *hễ - là*) về mặt từ loại riêng biệt mà tổng thuật những quan niệm đề cập đến cả từ loại lẫn chức năng của chúng trong câu. Qua đó, bài viết không chỉ phác họa cái nhìn tổng quan về *hễ*, *hễ - thì*, *hễ - là* theo khuynh hướng ngữ pháp truyền thống (chủ - vị) và ngữ pháp chức năng (đề - thuyết), mà qua đó còn tạo tiền đề cho nghiên cứu thực tiễn, chuyên sâu về sự hành chức của các từ này trong câu tiếng Việt.

2. Quan niệm của các nhà Việt ngữ học về chức năng của *hễ*, *hễ - thì*, *hễ - là*

Dưới đây nhóm tác giả khái quát chức năng của *hễ*, *hễ - thì*, *hễ - là* theo hai khuynh hướng: (1) ngữ pháp truyền thống (chủ - vị) và (2) ngữ pháp chức năng (đề - thuyết).

2.1. Quan niệm của các nhà Việt ngữ học theo ngữ pháp truyền thống (chủ - vị)

Theo ngữ pháp truyền thống (chủ - vị), *hễ* thường được nhắc đến trong quan hệ sóng đôi với *thì*, *là* hoặc được dùng một mình trong mệnh đề hay trong câu phức, câu ghép qua lại, câu ghép chính phụ.

¹ Can Tho University, Vietnam (Dao Duy Tung)

² Master students in Linguistics, Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam (Ngo Bao Tin)

³ Master students in Linguistics, VNU University of Social Sciences and Humanities, Vietnam (Sam Cong Danh)

a. *Hễ, thì* là phụ thuộc liên từ (từ)/ phụ từ phụ thuộc; *hễ* đứng đầu mệnh đề phụ (mệnh đề tùy tòng) biểu thị quan hệ giả thiết hay điều kiện, tương quan với mệnh đề chính (có hoặc không có *thì*) trong câu có nhiều mệnh đề.

Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Phạm Duy Khiêm gọi *hễ* là phụ thuộc liên từ, Bùi Đức Tịnh gọi là phụ thuộc liên từ, Lê Văn Lý gọi là phụ từ phụ thuộc. Các tác giả cho rằng *hễ* dùng để liên hợp (những) mệnh đề phụ với (những) mệnh đề chính.

Theo Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Phạm Duy Khiêm, *hễ* (*phỏng, giá, nếu, ...*) đứng “ở đầu mệnh đề phụ chỉ trường hợp để biểu diễn sự giả thiết hay cái điều kiện..., thì ở đầu mệnh đề chính đứng sau, người ta đặt thêm tiếng liên từ *thì* để nối với mệnh đề phụ đứng trước [1, tr. 23]. Ngoài ra, các tác giả còn cho rằng *hễ* (*nếu, vì, vì bằng, vì chẳng, vì dù, vì thử, nhược bằng, ...*) là phụ thuộc liên từ biểu thị quan hệ về điều kiện. Theo đó, “phụ thuộc liên từ dùng để liên hợp những mệnh đề phụ với những mệnh đề chính” [1, tr. 142].

Tương tự, Bùi Đức Tịnh [2] cũng cho rằng, *hễ* là phụ thuộc liên từ nối mệnh đề phụ chỉ điều kiện vào mệnh đề chính, chẳng hạn:

“*Hễ anh trì chí thì việc sẽ thành.*”

Hễ anh trì chí: mệnh đề phụ chỉ điều kiện, được nối với mệnh đề chính bởi phụ thuộc liên từ *hễ*.” [2, tr. 142].

Lê Văn Lý gọi *hễ* (*nếu, như, giả như, tùy, bởi, bởi vì, tại, dầu, dẫu, tuy, mà, ...*) là “phụ từ khởi đầu”, cùng nhóm với *bởi, vì, tại, nếu, giá, giá, dẫu, tuy, hằng, càng, ...*, thuộc “phụ từ phụ thuộc” [3, tr. 126]. Trong đó, *hễ* (*nếu, giả sử, nhược bằng, vì bằng, giá*) là phụ từ phụ thuộc thường đứng đầu mệnh đề tùy tòng. Theo tác giả, “những phụ từ phụ thuộc là những phụ từ thường dẫn đầu những mệnh đề tùy tòng” [3, tr. 132]. Tác giả còn giải thích phụ từ *hễ* trong tương quan với *nếu*. Theo tác giả, “thay vì *nếu*, người ta có thể dùng phụ từ *hễ*; nhưng phụ từ *hễ* chỉ một giả thiết cương quyết hơn là phụ từ *nếu*.”

Ví dụ: *Hễ có tiền (thì) tôi sẽ sang Nhật chơi.* Câu này có vẻ cương quyết hơn là câu: *Nếu có tiền (thì) tôi sẽ sang Nhật chơi.* Câu có *hễ* chỉ rằng: Tôi đã quyết định sang Nhật chơi rồi, chỉ còn thiếu có một điều kiện để thực hiện quyết định đó là tiền; khi có tiền, tôi sẽ đi ngay.” [3, tr. 135].

Như vậy, các nghiên cứu [1-3] cho rằng, *hễ - thì* là phụ thuộc liên từ. *Hễ* đứng đầu mệnh đề phụ chỉ điều kiện/ giả thiết, *thì* đứng đầu mệnh đề chính. *Hễ - thì* có chức năng liên hợp mệnh đề phụ với mệnh đề chính.

b. *Hễ* là quan hệ từ phụ thuộc (quan hệ từ của câu), *thì* (*thời*) là trợ từ; *hễ* đứng đầu bổ từ giả thiết (còn gọi là cú phụ) vừa diễn tả quan hệ giả thiết vừa diễn tả quan hệ điều kiện, tương quan với cú chính (có hoặc không có trợ từ *thì*) trong câu phức.

Trương Văn Chính, Nguyễn Hiến Lê [4] phân biệt quan hệ từ của tiếng và quan hệ từ của câu. Trong quan hệ từ của câu, tác giả chia thành quan hệ từ liên hợp và quan hệ từ phụ thuộc. Nghiên cứu cho rằng, *hễ* (*nếu, dù, phỏng, giá, phỏng thử, giá thử, như, như thế, vì, vì thế, giá thế, ...*) là quan hệ từ phụ thuộc (quan hệ từ của câu) diễn tả quan hệ giả thiết [4, tr.443]. Tuy vậy, qua cách giải thích bổ từ giả thiết (còn gọi là cú phụ), quan hệ từ phụ thuộc *hễ, nếu* và

qua các ví dụ, có thể thấy các tác giả đã có sự nhầm lẫn.

Các tác giả cho rằng: “Bổ từ giả thiết là tiếng diễn tả ý giả thiết hay điều kiện có thể phát sinh ra một việc hay nhiều việc.”; “về ngôn ngữ, tuy rằng có tiếng như *giá, phỏng*, chỉ dùng để diễn tả quan hệ giả thiết, nhưng có tiếng như *nếu, hễ*, vừa diễn tả quan hệ giả thiết vừa diễn tả quan hệ điều kiện. Vì thế mà tiếng diễn tả ý giả thiết và tiếng diễn tả điều kiện nhóm tác giả gọi chung là *bổ từ giả thiết*” [4, tr. 580]. Cách giải thích này khác hẳn với các ví dụ mà các tác giả phân tích, chẳng hạn:

“[a] [b] Rộng xét năm châu, trải xem lịch sử, dọc ngang mấy vạn dặm, trên dưới mấy ngàn năm, từ Đông đến Tây, từ xưa đến nay // [c] *hễ* nước nào khi vận nước cường // tất là khi ấy chánh học sáng rệt // [d] nước nào khi vận nước suy đồi // tất là khi ấy trong nước tà thuyết lưu hành” [4, tr. 653].

Theo các tác giả, câu này là câu tiếp kết chia ra bốn phần. Phần thứ nhất và phần thứ nhì, mỗi phần là một cú đẳng lập (a, b), được đảo trật tự. Phần thứ ba (c) gồm một cú chính và một cú phụ. Phần thứ tư (d) gồm hai cú đẳng lập, nhưng có quan hệ sai đẳng về ý tứ. Trong đó, phần thứ ba (c) được các tác giả phân tích như sau:

“chủ từ: *chánh học*,

thuật từ: *sáng rệt*,

bổ từ thời gian: *khi ấy*,

bổ từ giả thiết: *hễ* nước nào khi vận nước cường (cú phụ), (nhóm tác giả nhấn mạnh - ĐDT)

phó từ xác định: *tất là*” [4, tr. 653].

Các tác giả tiếp tục phân tích *bổ từ giả thiết* như sau: “Cú phụ dùng làm *bổ từ giả thiết* phân tích ra:

quan hệ từ: *hễ*, (nhóm tác giả nhấn mạnh - ĐDT)

chủ đề: *nước nào*,

chủ từ: *vận nước*,

thuật từ: *cường*,

bổ từ thời gian: *khí*” [4, tr. 654].

Như vậy, qua ví dụ có thể thấy, *bổ từ giả thiết* còn được gọi là cú phụ (*hễ nước nào khi vận nước cường*). Trong *bổ từ giả thiết* (cú phụ), như ví dụ trên, có quan hệ từ (*hễ*), chủ đề, chủ từ, thuật từ, *bổ từ thời gian*. Do đó, *bổ từ giả thiết* (cú phụ) không thể “là tiếng diễn tả ý giả thiết hay điều kiện có thể phát sinh ra một việc hay nhiều việc”. Nói cách khác, quan hệ từ phụ thuộc *hễ, nếu, ...* là tiếng đứng đầu *bổ từ giả thiết* hay cú phụ diễn tả ý giả thiết hay điều kiện có thể phát sinh ra một việc hay nhiều việc.

Ở một số ví dụ khác, các tác giả cũng có sự nhầm lẫn như vậy, chẳng hạn về vị trí của *bổ từ giả thiết* với vị trí của quan hệ từ phụ thuộc, về sự phối hợp giữa quan hệ từ phụ thuộc với trợ từ *thì* (*thời*).

Về mặt vị trí, theo các tác giả, “cũng như *bổ từ nguyên nhân*, *bổ từ giả thiết* có thể đặt trước hay sau thuật từ, nhưng thường đặt trước. Đặt trước thuật từ mà câu có chủ đề thì *bổ từ* đặt trước hay sau chủ đề, và trước chủ từ. Câu không có chủ đề thì *bổ từ* đặt trước hay sau chủ từ. Tỉ dụ (nhóm tác giả chỉ dẫn lại những câu có *hễ*):

D. *Nếu chẳng tiểu nhân quân tử đời;*

Hễ không quân tử tiểu nhân loạn.

G. *Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê.*” [4, tr.581]

Theo các tác giả, ở câu D, *bổ* từ đặt trước chủ từ (câu không có chủ đề); ở câu G, *bổ* từ đặt sau chủ từ. Thực ra, ở câu D, *Hễ không quân tử* là *bổ* từ giả thiết (cú phụ) (*hễ* là quan hệ từ); *tiểu nhân loạn* là cú chính, trong đó, *tiểu nhân* là chủ từ, *loạn* là thuật từ. Ở câu G, *Máu tham hễ thấy hơi đồng* là *bổ* từ giả thiết (cú phụ), trong đó, *máu tham* là chủ từ, *thấy hơi đồng* là thuật từ, *hễ* là quan hệ từ; *mê* là cú chính. Điều này thể hiện rõ qua cách mà các tác giả nói về trợ từ *thì* (thời), *mà*: “*Bổ* từ giả thiết đặt trước thuật từ, ta thường dùng trợ từ *thì* (thời) để phân tách *bổ* từ với ý chính (xem ví dụ **D**, **G** ở trên)” [4, tr. 583].

Như vậy, theo thiên nghi của nhóm tác giả, Trương Văn Chính, Nguyễn Hiến Lê đã diễn đạt không rõ hoặc nhầm lẫn *bổ* từ giả thiết (cú phụ) với quan hệ từ trong *bổ* từ giả thiết (cú phụ). Theo đó, *hễ* là quan hệ từ phụ thuộc (quan hệ từ của câu) đứng đầu/ nằm trong *bổ* từ giả thiết (cú phụ) vừa diễn tả quan hệ giả thiết vừa diễn tả quan hệ điều kiện trong tương quan với cú chính chi hệ quả. Câu có nhiều cú dùng để diễn tả nhiều sự tình được các tác giả gọi là câu phức cú, hay nói gọn là câu phức.

c. *Hễ, thì, là* là liên từ qua lại; *hễ* đứng đầu đoạn câu diễn tả quan hệ điều kiện hay giả thiết, tương quan với đoạn câu diễn tả quan hệ kết quả (có hoặc không có *thì, là*) trong câu phức hợp có quan hệ qua lại.

Nguyễn Kim Thân [5] cho rằng, liên từ có thể có hình thức đơn hoặc hình thức sóng đôi trong câu phức hợp có quan hệ qua lại, theo các công thức: /S¹P¹/, /I S²P²/; /I S¹P¹/, /S²P²/; /I S¹P¹/, /I' S²P²/'. Theo đó, *hễ* có thể được dùng một mình hoặc dùng sóng đôi với *thì* để biểu thị quan hệ ý nghĩa điều kiện - giả thiết trong câu phức hợp bậc một, chẳng hạn:

Hễ được ba chục thùng *thì* u cho con một thùng... *nhé!* [5, tr. 590-591].

Ngoài ra, theo tác giả, “cũng có thể xếp những câu có *hễ... là* (*thì*), *động... là* vào loại câu điều kiện. Song với những cặp liên từ này, hai đoạn câu có thể chỉ hai sự việc, hai đặc trưng xảy ra liên tiếp:

Nhưng hễ có góc cổ hay co chân, là lập tức bị những ngọn gậy thẳng cánh giáng xuống” [5, tr. 291].

Ngoài *hễ* trong quan hệ sóng đôi với *thì*, Nguyễn Kim Thân còn lưu ý đến cặp *hễ - là, động - là*. *Hễ, động* đặt trước đoạn câu điều kiện - giả thiết, *thì* (*là*) (hoặc không dùng) đặt trước đoạn câu kết quả trong câu phức hợp. Có thể nói, hầu hết các nhà nghiên cứu chỉ đề cập đến *hễ* trong quan hệ sóng đôi với *thì* hoặc dùng một mình, mà không chú ý đến *hễ - là, động - là*. Ngoài Nguyễn Kim Thân, sau này Hoàng Trọng Phiến, Hồ Lê cũng chú ý và phân biệt *hễ - thì, hễ - là, động - là* (nhóm tác giả sẽ đề cập bên dưới).

d. *Hễ, thì* là từ nối (kết từ, liên từ, quan hệ từ); *hễ* đứng trước cú phụ diễn tả quan hệ điều kiện/ giả thiết, tương quan với cú chính diễn tả kết quả (có hoặc không có *thì*) trong câu ghép qua lại hay câu ghép chính phụ.

Tiêu biểu cho quan niệm này là các tác giả như Hoàng Trọng Phiến, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Lê Cận - Phan Thiệu - Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung, Diệp Quang Ban, Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Anh Quế,...

Theo Hoàng Trọng Phiến (1980, 2008), *hễ* là từ nối trong câu ghép qua lại gồm hai vế có quan hệ với nhau theo kiểu nội dung điều kiện - kết quả. Kiểu câu ghép này được biểu hiện qua một số mô hình: *Hễ* (C - V) *thì* (C - V); *Hễ* (C - V) (C - V); *Hễ* V là (C - V); *Hễ* V *thì* V; C *hễ* V là V; (C - V) *hễ* V *thì* V [6, tr. 310-314].

Ngoài ra, trong công trình *Cách dùng hư từ tiếng Việt hiện đại*, Hoàng Trọng Phiến [7] còn giải thích thêm *hễ* là liên từ biểu hiện quan hệ liên nhân quả hay quan hệ nguyên nhân trong câu ghép. Theo tác giả, *hễ* được dùng ở đầu câu *thì* có giá trị như *nếu*. *Hễ* được dùng hô ứng với *là*, biểu hiện quan hệ liên nhân quả. “*Vé* có *hễ* là gây ra điều kiện cho *vé* hậu quả ở sau. Có từ *là* hô ứng.

Hễ mỗi lần gặp *Mai là* bà lại nhớ đến con trai bà” [7, tr. 118].

Bên cạnh đó, theo tác giả, *hễ* thỉnh thoảng còn biểu hiện nguyên nhân bất ngờ cho một công việc tương lai. “Trong trường hợp này *hễ* cùng trường ngữ nghĩa với: *miễn là, nếu, hễ là, nhược bằng, ngộ, ví, ví dụ, ví thế, ví thử, giả thử...* Luôn luôn có từ *mà* đi kèm.

- *Hễ* mà có tiền *là* tôi mua ngay vì tính đời mới.

- *Hễ* mọi khi *mà* đụng đến nó *thì* như kiến phải lửa.” [7, tr.118].

Nguyễn Anh Quế [8] cũng cho rằng *hễ - thì* (*nếu - thì, giả thử - thì, giả dụ - thì, giá - thì* (*là*), *giả sử - thì, giá mà - thì*) là cặp liên từ “biểu thị sự tương ứng giữa điều kiện và kết quả, ví dụ:

Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta *thì* ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi.” [8, tr. 208-209].

Ngoài ra, Nguyễn Anh Quế còn phân biệt giữa *hễ* với *nếu, giá, giả sử*. Theo đó, “ý nghĩa điều kiện mà các liên từ này biểu thị cũng có những sắc thái, mức độ khác nhau. *Hễ* được dùng trong trường hợp có sự liên hệ tất yếu giữa điều kiện và kết quả. *Nếu, giá, giả sử*, được dùng trong trường hợp điều kiện chỉ có tính chất giả thiết.” [8, tr. 204]. Bên cạnh đó, tác giả cũng cho rằng tuy mô hình tổng quát của mối quan hệ điều kiện - kết quả là *Nếu* (*hễ, giá, giả sử,...*) *A thì B* nhưng tùy hoàn cảnh, tình huống cụ thể mà một trong hai liên từ có thể bị lược bỏ.

Đồng quan điểm với Hoàng Trọng Phiến [6], Nguyễn Văn Hiệp [9] cũng cho rằng, *hễ - thì* là cặp liên từ hô ứng trong câu ghép qua lại, chẳng hạn:

Hễ tôi nói một *thì* nó nói hai [9, tr. 368].

Các tác giả Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam cũng đề cập đến *hễ* trong quan hệ sóng đôi với *thì*, là cặp kết từ được dùng ở trước nòng cốt đơn của mỗi vế: *Hễ* N₁ *thì* N₂ [10, tr. 211].

Nghiên cứu [11] cho rằng, *hễ, thì* là quan hệ từ. Quan hệ từ này xuất hiện trong câu có nhiều nòng cốt C - V (câu ghép) để biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả. Quan hệ từ *hễ* (hoặc *nếu, giá,...*) đặt trước đoạn câu “giả thiết”, *thì* (hoặc không dùng) đặt trước đoạn câu “kết quả”, chẳng hạn:

“*Hễ* địch trở mặt *thì* ta quyết trừng trị chúng.

Một trong hai sự kiện là “giả thiết”, chưa xảy ra trong thực tế; do đó sự kiện “kết quả” cũng chưa xảy ra [11, tr. 258].

Tương tự một số tác giả khác, Diệp Quang Ban [12],

[13] cũng cho rằng *hễ (nếu, miễn (là), giá (mà), giả sử,...)* là quan hệ từ diễn đạt quan hệ điều kiện/ giả thiết đứng đầu về phụ. Theo đó, “câu ghép điều kiện/ giả thiết là câu ghép chính phụ mà ở đầu về phụ có chứa các quan hệ từ diễn đạt quan hệ điều kiện/ giả thiết như *nếu, hễ, miễn (là), giá...* Trong câu ghép điều kiện/ giả thiết, ở đầu về chính có thể xuất hiện từ *thì* đánh dấu về chỉ hệ quả, khi về chính đứng sau.” [12], [13, tr. 359]. Ngoài ra, đối với cặp *hễ... thì...*, theo tác giả, “các từ *hễ... thì...* thường được dùng khi sự việc là điều kiện được lặp đi lặp lại nhiều lần.

Ví dụ:

Hễ trời mưa to thì con đường này ngập nước [13, tr.360].

Như vậy, trong các quan niệm, thì quan niệm được đề cập ở đ. được nhiều nhà nghiên cứu đồng tình hơn cả. Các tác giả cho rằng liên từ/ quan hệ từ *hễ* đặt trước về câu điều kiện/ giả thiết, *thì* (hoặc không dùng) đặt trước về câu kết quả. Câu ghép điều kiện/ giả thiết - kết quả còn được gọi là câu ghép qua lại hay câu ghép chính phụ.

2.2. Quan niệm của các nhà Việt ngữ học theo ngữ pháp chức năng (đề - thuyết/ chủ - vị)

a. *Hễ* là yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần đề, *thì, là* là yếu tố chuyên dùng phân giới và đánh dấu đề - thuyết.

Năm 1991, công trình *Tiếng Việt: Sơ thảo ngữ pháp chức năng* của Cao Xuân Hạo ra đời đem lại một làn gió mới cho ngữ pháp tiếng Việt. Nhiều vấn đề của ngữ pháp chủ - vị được xem xét, giải quyết lại. Ở đây, nhóm tác giả chỉ đề cập đến chức năng của *thì, là, mà* và *hễ*. Cao Xuân Hạo cho rằng cấu trúc chủ - vị chỉ thích hợp cho việc miêu tả các thứ tiếng Âu châu, còn cấu trúc cơ bản của câu tiếng Việt là cấu trúc đề - thuyết. Trong câu, ba yếu tố *thì, là, mà* chuyên dùng để phân chia biên giới và đánh dấu đề - thuyết được gọi là tiểu tố (particles) [14, tr. 231], hay tác tử cú pháp (syntactic operators) [15, tr. 25], [16, tr. 123].

Cao Xuân Hạo phân biệt hai loại phương tiện đánh dấu sự phân chia đề và thuyết trong câu: (1) *thì* và *là (mà)*, (2) những phương tiện bổ sung để phân giới đề và thuyết được dùng để phân giới đề và thuyết [14, tr.231-268], [15, tr. 25-40]. Trong đó, đối với *những phương tiện đánh dấu thêm phần đề*, Cao Xuân Hạo đề cập đến các từ như *nếu, dù, ví thử, giá, giả dụ, hễ, bao giờ*. Theo tác giả, “để làm cho một câu (một tiểu cú) làm đề khác với một câu trọn vẹn hay một phần thuyết đồng thời làm cho nó trở nên dang dở và do đó đòi hỏi có một phần thuyết tiếp theo là đặt ngay ở chỗ khởi đầu của nó một chuyên tố - tức là một từ chức năng có tác dụng chuyển tính từ loại của các ngữ đoạn - thích hợp, ở đây là một trong những yếu tố có tác dụng đổi câu thành phi câu. Đó là những chuyên tố như *nếu, dù, ví thử, giá, giả dụ, hễ, bao giờ* có tác dụng biến câu thành chủ ngữ (...). Cũng theo tác giả, “những phần đề được cấu tạo như thế đã rất quen thuộc trong ngữ pháp truyền thống dưới cái tên là câu phụ hay cú phụ thuộc, có chức năng làm chủ ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ chỉ nguyên nhân điều kiện v.v của “câu chính” [14, tr. 257].

Khuynh hướng chức năng luận của Cao Xuân Hạo nhận được nhiều ý kiến khác nhau, trong đó có sự đồng tình, ủng hộ của Chim Văn Bé. Theo đó, Chim Văn Bé phân các yếu tố phân chia và đánh dấu đề - thuyết thành bốn loại: (1) các yếu tố chuyên dùng phân giới và đánh dấu đề - thuyết (*thì,*

là, mà), (2) các yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần đề, (3) các yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần thuyết, (4) các yếu tố phụ trợ phân giới và đánh dấu thêm đề - thuyết. Ở (2), các yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần đề gồm đề tài và đề khung, trong đó, các yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm đề khung gồm: (1) *hễ, cứ, động* đánh dấu đề khung nêu điều kiện hiện thực dẫn đến hệ quả hiện thực tức thì; (2) *nếu, nếu mà, nếu như, nhược bằng (= còn nếu như), bằng như, (= nếu như), bằng không (= nếu không), hễ* đánh dấu đề khung nêu điều kiện khả thực dẫn đến hệ quả khả thực [16].

Như vậy, khác với các tác giả theo khuynh hướng ngữ pháp chủ - vị, Cao Xuân Hạo và Chim Văn Bé coi *thì, là, mà* là tiểu tố (particles), hay tác tử cú pháp (syntactic operators) có chức năng chuyên dùng phân giới và đánh dấu đề - thuyết. *Hễ* là một trong những phương tiện bổ sung hay yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần đề, được dùng để phân giới đề.

b. *Hễ, thì, là* là kết từ/ quan hệ từ; *hễ* đứng đầu về nêu điều kiện, tương quan với về nêu hệ quả (có hoặc không có *thì, là*) trong câu ghép điều kiện/ giả thiết - hệ quả.

Cũng theo khuynh hướng chức năng luận, nghiên cứu câu ở ba bình diện kết học - nghĩa học - dụng học, hay ngữ pháp - ngữ nghĩa - ngữ dụng, còn có thể kể đến một số nghiên cứu [17, 18, 19],... Ở bình diện ngữ pháp, các tác giả Nguyễn Thị Lương, Diệp Quang Ban vẫn dùng bộ khái niệm truyền thống, chẳng hạn thành phần nổi cốt chủ - vị và các thành phần phụ khác. Từ quan hệ ngữ nghĩa - cú pháp, Hồ Lê dùng cả đề - thuyết và chủ - vị.

Năm 1992, trong công trình *Cú pháp tiếng Việt: Cú pháp cơ sở* (quyển II), Hồ Lê viết: “Sách này sẽ chứng minh: điểm quan trọng nhất trong kết cấu câu là đường ranh giới chia riêng phần đề và phần thuyết trong câu đề - thuyết nói chung, trong các tiểu loại câu đề - thuyết nói riêng.” [17, tr. 18]. Theo tác giả, câu nào không có đường ranh giới đề - thuyết là câu một phần (câu gọi tên), câu nào có đường ranh giới này là câu hai phần (câu đề - thuyết). Câu đề - thuyết được phân thành bốn tiểu loại. Theo tác giả, “đường ranh giới này cũng sẽ là căn cứ khách quan để tiếp tục phân câu đề - thuyết ra làm bốn tiểu loại: câu chủ - vị, câu đề - ứng, câu cách thức - hành động và câu điều kiện - hệ quả, bởi lẽ từ đường ranh giới này sẽ xác định được những quan hệ ngữ nghĩa - cú pháp đặc thù giữa hai phần đề - thuyết trong mỗi tiểu loại. Đó cũng sẽ là một cơ sở khách quan để nhận định quan hệ ngữ nghĩa trong câu và nhận diện kết cấu cú nghĩa tổ của câu” [17, tr. 18].

Hồ Lê cho rằng, xác định được kết cấu câu thì đồng thời cũng xác định được thành phần câu. Theo đó, câu gọi tên là câu không có thành phần; câu chủ - vị có cặp thành phần chủ ngữ - vị ngữ; câu đề - ứng có cặp thành phần đề ngữ - ứng ngữ; câu cách thức - hành động có cặp thành phần thức ngữ - hành động ngữ; câu điều kiện - hệ quả có cặp thành phần điều kiện ngữ - hệ quả ngữ [17, tr. 19].

Trên cơ sở đó, Hồ Lê gọi câu dùng những kết từ *hễ... thì... (nếu... thì..., giá mà... thì..., dù cho..., vì... nên..., do... nên..., tuy... nhưng...)* là câu điều kiện - hệ quả.

Căn cứ vào nội dung của “điều kiện”, Hồ Lê gọi câu dùng những kết từ *hễ... thì... (nếu... thì..., giá mà... thì..., dù cho...)* là câu điều kiện - hệ quả có điều kiện giả định.

Đối lập với kiểu câu này là câu điều kiện - hệ quả có điều kiện hiện thực. Căn cứ vào tính chất của mối quan hệ giữa điều kiện và hệ quả, tác giả gọi câu dùng những kết từ *hễ... thì...* (ví... nên..., nếu... thì...) là câu điều kiện - hệ quả có điều kiện - hệ quả thuận (tức là hệ quả cùng hướng với điều kiện). Đối lập với kiểu câu này là câu điều kiện - hệ quả có điều kiện - hệ quả nghịch (tức là hệ quả ngược hướng với điều kiện).

Phối hợp hai tiêu chí vừa nêu, Hồ Lê phân câu điều kiện - hệ quả thành bốn tiểu loại. Tác giả gọi câu dùng những kết từ *hễ... thì...* (nếu... thì..., giả mà..., phải chi..., giả sử...) là câu điều kiện - hệ quả có điều kiện giả định thuận với hệ quả. Ba tiểu loại còn lại là câu điều kiện - hệ quả có điều kiện giả định nghịch với hệ quả; câu điều kiện - hệ quả có điều kiện hiện thực thuận với hệ quả; câu điều kiện - hệ quả có điều kiện hiện thực nghịch với hệ quả [17, tr. 326-327].

Bên cạnh đó, Hồ Lê còn nhấn mạnh: “Ở *hễ... thì*, hệ quả biểu thị sự kiện duy nhất ứng với điều kiện giả định. Do đó, không thể so sánh nó với những khả năng của những sự kiện khác ứng với những điều kiện giả định khác. Có thể nói đó là tiền giả định của *hễ... thì*.”

Thí dụ, khi nói:

Hễ trời chớm mưa thì đem ngay quần áo vào nhé.

là muốn diễn đạt rằng việc “đem ngay quần áo vào” là việc tất yếu phải làm khi “trời chớm mưa” [17, tr. 330].

Ngoài ra, Hồ Lê còn so sánh *hễ... thì...* với *hễ... là...* Theo tác giả, “*hễ... là...* khác với *hễ... thì...* *Hễ... là...* biểu thị mối quan hệ thường trực gần như là tất yếu hoặc có tính quy luật giữa điều kiện và hệ quả.

Thí dụ:

Hễ cóc kêu là y như rằng trời mưa.

Hễ trở trời là vết thương cũ lại tấy buốt” [17, tr. 330].

Ngoài biểu thị mối quan hệ gần như là tất yếu hoặc có tính quy luật, “khi đứng trước sự kiện do con người tiến hành thì *hễ... là...* còn biểu thị ý mệnh lệnh:

Hễ trời chớm mưa là đem ngay quần áo vào nhé!

Có thể tình lược *hễ* trong công thức *hễ... là...*” [17, tr.330].

Cũng theo khuynh hướng ngữ pháp chức năng, trong công trình *Câu tiếng Việt* [18], nghiên cứu câu tiếng Việt ở ba bình diện: ngữ pháp - ngữ nghĩa - ngữ dụng. Ở bình diện ngữ pháp, tác giả dùng thuật ngữ chủ - vị và cách tiếp cận cũng theo truyền thống (chủ - vị). Theo Nguyễn Thị Lương, trong câu ghép chính phụ, quan hệ từ có thể được sử dụng theo cặp hoặc chỉ sử dụng một mình. Trong câu ghép có quan hệ điều kiện/ giả thiết - hệ quả, “cặp từ *hễ... thì* được dùng để diễn đạt quan hệ điều kiện - hệ quả như một điều kiện tất yếu có tính quy luật” [18, tr. 92].

Năm 2008, trên tinh thần kết hợp truyền thống với hiện đại, Diệp Quang Ban cho ra đời *Ngữ pháp tiếng Việt (Theo định hướng ngữ pháp chức năng - Hệ thống của M. A. K. Halliday)*. Theo tác giả, “*Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt* (theo định hướng ngữ pháp chức năng), gồm hai tập là một Ngữ pháp ứng dụng (Bộ mới) lần đầu ra mắt bạn đọc. Sách được thiết kế theo hướng dựa vào ngữ pháp truyền thống, đồng thời coi trọng những thành tựu của

ngữ pháp hiện đại, và cả hai được kết hợp với nhau một cách nhuần nhuyễn” [19, tr. 3].

Trên tinh thần đó, ở phương diện cấu trúc cú pháp, Diệp Quang Ban cũng trình bày lại các tiểu loại câu ghép chính phụ, như những công trình trước. Theo tác giả, “câu ghép điều kiện/ giả thiết là câu ghép chính phụ mà ở đầu về phụ có chứa các quan hệ từ diễn đạt quan hệ điều kiện/ giả thiết như *nếu, hễ, miễn (là), giả,...* Trong câu ghép điều kiện/ giả thiết, ở đầu về chính có thể (không bắt buộc) xuất hiện từ *thì* diễn đạt quan hệ hệ quả, khi về chính đứng sau.” [19, tr. 59]. Tương tự ở các công trình trước, tác giả cũng nhấn mạnh: “các từ *hễ... thì...* thường được dùng khi sự việc là điều kiện được lặp nhiều lần” [19, tr. 60].

Như vậy, theo khuynh hướng ngữ pháp chức năng, ở bình diện kết học, các nhà nghiên cứu cũng có hai quan điểm khác nhau. Cao Xuân Hạo, Chim văn Bé xem *thì, là (mà)* là tác từ chuyên dùng phân giới và đánh dấu đề - thuyết, *hễ* là yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần đề. Hồ Lê, Nguyễn Thị Lương, Diệp Quang Ban xem *hễ - thì* là kết từ/ quan hệ từ đánh dấu các vế/ cú phụ trong câu ghép có quan hệ điều kiện/ giả thiết - hệ quả.

3. Kết luận

Ở trên, nhóm tác giả đã tổng thuật chức năng của *hễ, hễ - thì, hễ - là* trong câu tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp truyền thống và ngữ pháp chức năng.

3.1. Theo ngữ pháp truyền thống (chủ - vị), nghiên cứu [1-3] cho rằng, *hễ, thì* là phụ thuộc liên tự hay phụ tự phụ thuộc; trong câu có nhiều mệnh đề, *hễ* đứng đầu mệnh đề phụ (mệnh đề tùy tùng) biểu thị quan hệ giả thiết/ điều kiện, tương quan với mệnh đề chính (có hoặc không có *thì*). [4] cho rằng, *hễ* là quan hệ từ phụ thuộc (quan hệ từ của câu), còn *thì* (*thời*) là trợ từ; trong câu phức, *hễ* đứng đầu bộ từ giả thiết (còn gọi là cú phụ) vừa diễn tả quan hệ giả thiết vừa diễn tả quan hệ điều kiện, tương quan với cú chính (có hoặc không có trợ từ *thì*). [5] cho rằng, *hễ, thì (là)* là liên từ qua lại; trong câu phức hợp có quan hệ qua lại, *hễ* đứng đầu đoạn câu diễn tả quan hệ điều kiện hay giả thiết, tương quan với đoạn câu diễn tả quan hệ kết quả (có hoặc không có *thì, là*). Các nghiên cứu [6-13] cho rằng, *hễ, thì* là từ nối (kết từ, liên từ, quan hệ từ); trong câu ghép qua lại hay câu ghép chính phụ, *hễ* đứng trước cú phụ diễn tả quan hệ điều kiện/ giả thiết, tương quan với cú chính diễn tả kết quả (có hoặc không có *thì*).

3.2. Theo ngữ pháp chức năng (đề - thuyết), nghiên cứu [14-16] cho rằng, *hễ* là yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần đề; *thì, là (mà)* là yếu tố chuyên dùng phân giới và đánh dấu đề - thuyết. [17-19] cho rằng, *hễ, thì* là kết từ/ quan hệ từ; trong câu ghép điều kiện/ giả thiết - hệ quả, *hễ* đứng đầu về nêu điều kiện/ giả thiết, tương quan với về nêu hệ quả (có hoặc không có *thì, là*).

3.3. Nhóm tác giả cũng chia sẻ quan điểm rằng *thì, là (mà)* là yếu tố chuyên dùng phân giới và đánh dấu đề - thuyết nhưng không đồng tình *hễ* là yếu tố phụ trợ đánh dấu thêm phần đề. Nhóm tác giả cho rằng *hễ, nếu, miễn (là), giả (mà), giả sử,...* là yếu tố chuyên dùng đánh dấu phần đề; *thì, là (mà)* ngoài là yếu tố chuyên dùng phân giới đề - thuyết còn là yếu tố chuyên dùng đánh dấu phần thuyết. Quan niệm này sẽ được nhóm tác giả chứng minh trong

một bài viết khác. Như vậy, bài viết của nhóm tác giả không chỉ phân tích cái nhìn tổng quan về *hệ, hệ - thì, hệ - là* theo ngữ pháp chủ - vị và ngữ pháp đề - thuyết, mà qua đó còn tạo tiền đề cho nghiên cứu thực tiễn, chuyên sâu về sự hành chức của các từ này trong câu tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] T. T. Kim, B. Ky, and P. D. Khiem, *Vietnamese Grammar*, 2nd ed. Hanoi: Le Thang Publishing House, 1940.
- [2] B. D. Tinh, *Vietnamese Grammar: Simple and Practical*. Saigon: Learning Resource Center of the Ministry of Education Publishing House, 1968.
- [3] L. V. Ly, *An outline of Vietnamese Grammar*. Saigon: Learning Resource Center of the Ministry of Education Publishing House, 1972.
- [4] T. V. Chinh and N. H. Le, *A Treatise of Vietnamese Grammar*. Hue: Hue University Publishing House, 1963.
- [5] N. K. Than, *Studies of the Vietnamese Grammar*. Hanoi: Vietnam Education Publishing House, 1997.
- [6] H. T. Phien, *Vietnamese Grammar: Sentence*. Hanoi: Hanoi National University Publishing House Publishing House, 2008.
- [7] H. T. Phien, *How to Use of Function Words in Modern Vietnamese*. Nghe An: Nghe An Publishing House, 2003.
- [8] N. A. Que, *Function Words in Modern Vietnamese*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1988.
- [9] N. V. Hiep, *Vietnamese Syntax*. Hanoi: Vietnam Education Publishing House, 2009.
- [10] Vietnam Social Sciences Committee, *Vietnamese Grammar*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1983.
- [11] L. Can, P. Thieu, D. Q. Ban, and H. V. Thung, *A Textbook for Vietnamese Grammar*, Volume 2, *Vietnamese Syntax*. Hanoi: Vietnam Education Publishing House, 1983.
- [12] D. Q. Ban, *Vietnamese Grammar*, Volume 2, 2nd ed., revised. Hanoi: Vietnam Education Publishing House, 1996.
- [13] D. Q. Ban, *Vietnamese Grammar: Sentence*. Hanoi: University of Education Publishing House, 2004.
- [14] C. X. Hao, *Vietnamese: An Outline of Functional Grammar*, Volume 1. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1991.
- [15] C. X. Hao (ed.), N. V. Bang, H. X. Tam and B. T. Tuom, *Vietnamese Functional Grammar*, Volume 1, *Sentences in Vietnamese: Structure - Meaning - Use*, 4th ed. Ho Chi Minh City: Vietnam Education Publishing House, 2001.
- [16] C. V. Be, *Vietnamese Functional Grammar: Syntax*. Can Tho: Vietnam Education Publishing House, 2012.
- [17] H. Le, *Vietnamese Syntax*, Volume 2, *Basic Syntax*. Ho Chi Minh City: Social Sciences Publishing House, 1992.
- [18] N. T. Luong, *Vietnamese Sentences*, 2nd ed., revised. Hanoi: University of Education Publishing House, 2009.
- [19] D. Q. Ban, *Vietnamese Grammar (Based on Halliday's Systemic Functional Grammar)*, Volume 2, *Sentences*. Hanoi: Education Publishing House, 2008.